

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 2754/SNV-CCHC&VTLT ngày 17/12/2024 sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND

các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thành viên BCĐ, TGV CCHC tỉnh;
- Báo HT, Đài PT-TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

KẾ HOẠCH**Cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

1.1 Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo đột phá trong CCHC năm 2025. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC.

1.2 Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030¹ của Chính phủ, của Tỉnh; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU). Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh năm 2025, Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI), góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội tỉnh.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.2. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục

vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với tình hình thực tiễn, mỗi cơ quan, địa phương.

2.3. Các Sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC kịp thời, hiệu quả.

2.4. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. 100% các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2025.

1.2. Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2025; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

1.3. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

2. Cải cách thể chế

2.1. Phần đầu 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phần đầu 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát.

2.3. Phần đầu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của Tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp tỉnh 100%, cấp huyện 100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận.

3.2. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%. Tỷ lệ nộp

hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%. Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 60%.

3.3. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai.

3.4. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. Phần đầu trong năm tổ chức ít nhất từ 02 đến 03 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. 100% cơ quan, tổ chức được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

4.3. Phần đầu năm 2025 giảm 28 biên chế công chức so với năm 2024.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. Phần đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác.

5.2. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

5.3. Năm 2025 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển dụng mới.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề (không bao gồm quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

6.2. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

6.5. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung của Tỉnh được triển khai trên nền tảng điện toán đám mây.

7.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp.

7.3. 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các Sở, ban, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời.

7.4. 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn.

7.5. 100% hồ sơ công việc tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại UBND cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại UBND cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

7.6. 100% Quyết định công bố Danh mục TTHC và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.7. 100% các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Công tác triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả...

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2025. Kịp thời ban hành và triển khai kế hoạch CCHC riêng của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đầy đủ nội dung công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng

cường công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC, như: Công thông tin điện tử của tỉnh; thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội, đội ngũ tuyên truyền viên của đơn vị, địa phương; phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đó kết hợp kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai công tác CCHC của các đơn vị, địa phương qua các ứng dụng, phần mềm liên quan về CCHC. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Cải cách thể chế

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành văn bản được giao quy định chi tiết, từ đó đề xuất các giải pháp để hạn chế cơ bản và tiến tới chấm dứt tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản được giao quy định chi tiết.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự thảo văn bản QPPL; kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC, chú trọng đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL và soạn thảo dự thảo văn bản QPPL; theo dõi sát kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật. Tiếp tục cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác văn bản QPPL thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

- Đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nhu cầu xã hội và từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực, chú trọng đối tượng đặc thù; tập trung phổ biến các văn bản mới,

bám sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL. Nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật trong nhà trường; tăng cường công tác chuyển đổi số trong PBGDPL trong thời gian tới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật ở địa phương; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hiệu quả việc thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí tuân thủ pháp luật, nâng xếp hạng Chỉ số B1.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC; trọng tâm triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Hành chính công cấp huyện và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Rà soát, bổ sung, nâng cấp hoàn thiện một số chức năng hỗ trợ trong giao dịch trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đảm bảo thuận tiện, dễ sử dụng, dễ khai thác; là công cụ giám sát, quản lý chất lượng giải quyết TTHC của công chức, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hẹn giải quyết nhất là ở cấp huyện và cấp xã; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết

TTHC trên Công Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Phát huy vai trò các thành viên Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh trong việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC tại các sở, ban, ngành, địa phương.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới trên cơ sở Văn bản của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW: Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kế hoạch định hướng số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

- Ban hành quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện khi có sự thay đổi.

- Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định và thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ tại địa phương, trong đó chú trọng sắp xếp lại hệ thống cơ sở y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch... đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tập trung sắp xếp cơ cấu bên trong các đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

- Ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giảm tỷ lệ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công: rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2025 theo chủ trương tại Kết luận số

28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp trưởng, cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Để đẩy mạnh thu hút nhân tài, các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài; về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và đất nước; tham mưu tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức theo Nghị định của Chính phủ; lấy kết quả triển khai, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài là một trong các nội dung đánh giá đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CD-TTg và 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 theo kế hoạch; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định, thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đôn đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ

sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Đôn đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và áp dụng ISO

7.1. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Chỉ đạo, đôn đốc các ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và thực trạng của đơn vị, địa phương, tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản có liên quan. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức tổng kết công tác chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Rà soát, điều chỉnh và xây dựng bổ sung các quy định liên quan đến chuyển đổi số, tạo môi trường thuận lợi, hoàn thiện về thể chế, chính sách thúc đẩy quá trình phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số được an toàn và hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số DTI của các Sở, ngành, địa phương và của Tỉnh.

- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”; tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, chính quyền số, đô thị thông minh và an toàn thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, Giám đốc CNTT ở các cơ quan nhà nước để đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế về triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số. Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

- Tiếp tục mở rộng kết nối, tích hợp các Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia với Hệ thống CSDL của tỉnh thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP)

của tỉnh; Chú trọng phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp; từng bước kết nối liên thông, hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu mở theo định hướng tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh; Xây dựng kế hoạch tổng thể và phương án triển khai dữ liệu mở; triển khai xây dựng chiến lược dữ liệu cấp tỉnh theo Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); hệ thống phòng, chống mã độc quản trị tập trung. Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dụng, nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh và cơ quan thường trực Đội ứng cứu sự cố.

- Tiếp tục hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các cơ quan đơn vị có hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ trước 30/6/2025.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng: Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh,... Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ y tế thông minh, giáo dục thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công cộng, thuê hệ thống ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, ...

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Tổ chức triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 11 đơn vị sự nghiệp cấp huyện (10 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Ban quản lý dịch vụ công ích và Trật tự đô thị thành phố); 44 trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng tại 35 UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

- Tiếp tục duy trì áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 sau khi hoàn thành việc thí điểm xây dựng áp dụng tại UBND thành phố Hà Tĩnh và UBND thị xã Kỳ Anh.

- Tiếp tục soát xét, kiểm tra và cho ý kiến đối với các quy trình nội bộ TTHC theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được

xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị. Phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra CCHC để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 9/8/2022 của UBND tỉnh về Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính sự nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2030.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, bố trí nguồn kinh phí hợp lý cho việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến, mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện theo **Phụ lục** kèm theo.

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực/nội dung của tỉnh về CCHC; chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã

2.1 Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi chung **trước ngày 15/01/2025**; Kế hoạch CCHC năm 2025 của UBND cấp xã báo cáo về UBND cấp huyện **trước ngày 05/02/2025** để tổng hợp, theo dõi.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện CCHC; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX, SIPAS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành

CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 theo hướng dẫn của ngành và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC năm 2025 về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 31/01/2025**.

- Chủ động triển khai có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách các TTHC chính có liên quan, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

4. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai Kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

- Kịp thời cập nhật, rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2025 theo Kế hoạch này (*nếu có*) sau khi hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương và của Tỉnh qua tổng kết thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW.

5. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Thực hiện hướng dẫn, theo dõi hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

6. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên báo, đài, báo điện tử; tuyên truyền, phổ biến

sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận để hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.

- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quý, 6 tháng, năm và đột xuất (nếu có) công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ theo quy định. Đồng thời kịp thời tham mưu UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, hiệu quả Kế hoạch này./.

PHỤ LỤC
KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
I	CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CCHC							
1	1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh	2.1. Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh	3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ 3.2. Tổng hợp và xin ý kiến, hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Văn bản và các dự thảo kèm theo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Tháng 12/2024	
		2.2. Nghiên cứu sửa đổi Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh) đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và công tác đánh giá	3.3. Xây dựng dự thảo văn bản, Quyết định, xin ý kiến	Công văn, dự thảo Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		CCHC trên phần mềm hỗ trợ theo dõi, đánh giá CCHC của tỉnh và Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ						
		2.3 Duy trì và nâng cấp một số chức năng của hệ thống phần mềm hỗ trợ, theo dõi đánh giá CCHC của tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ	3.4 Xây dựng báo cáo, triển khai nâng cấp phần mềm	báo cáo, đề xuất, văn bản liên quan			Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.4. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2025	3.5. Xây dựng, ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 01/2025	Theo dự toán được cấp
			3.6. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền	Các hình thức tuyên truyền đa dạng,			Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
				phong phú				
		2.5. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết	3.7. Các văn bản triển khai các hội nghị	Công văn, báo cáo, giấy mời, thông báo kết luận	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
2	1.2. Cải thiện, nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC của tỉnh và các chỉ số liên quan	2.6. Triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025 theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	3.8. Văn bản chỉ đạo triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025 3.9. Công văn, hướng dẫn, Báo cáo tự đánh giá chấm điểm chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025	Công văn Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp
		2.7. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	3.10. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các Chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS 3.11. Văn bản chỉ đạo khắc phục các	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan TW công bố chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			tồn tại, hạn chế của các chỉ số					
		2.8. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PCI	3.12. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PCI 3.13. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan liên quan công bố chỉ số PCI năm 2025	
		2.9. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số DTI	3.14. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số DTI 3.15. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chỉ số DTI năm 2025	
3	1.3. Phân đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương	2.10. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến áp dụng và nhân rộng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.16. Tập hợp, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả giới thiệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	- Văn bản rà soát, giới thiệu - Tóm tắt giới thiệu các mô	Sở Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô hình hay; Sở Khoa	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
				hình, sáng kiến	học và Công nghệ chủ trì đối với áp dụng các sáng kiến CCHC			
		2.11 Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC	3.17. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	Các sáng kiến, giải pháp	Các cơ quan chủ trì các lĩnh vực CCHC tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
4	1.4. Tối thiểu 35% cơ quan đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2025	2.12. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU)	3.18 Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC 3.19. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương 3.20. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương 3.21. Báo cáo kết quả kiểm tra 3.22. Ban hành Văn	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, Văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các đơn vị được kiểm tra	Quý II, III/2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra					
		2.13. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ	3.23. Thông báo kiểm tra	Biên bản kiểm tra, báo cáo, văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ, Thành viên Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025	
5	1.5. Tiếp tục đổi mới phương pháp, cách thức công tác thẩm định, đánh giá CCHC tại các đơn vị, địa phương	2.14. Thực hiện thẩm định chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.24. Thông báo lịch thẩm định; tiến hành thẩm định; họp hội đồng thẩm định cấp tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả	Thông báo, Công văn, Quyết định, kế hoạch	Sở Nội vụ, Đoàn Kiểm tra, HĐĐ CCHC tỉnh	các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo kế hoạch thẩm định hằng năm	
6	1.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC	2.15. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức	3.25. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng	Công văn (kế hoạch), Giấy mời, giáo án, bài giảng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
7	1.7. Tham quan học tập kinh nghiệm CCHC tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	2.16. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số tỉnh, thành phố	3.26. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm	Công văn, báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Phân đầu 100% các nội dung Luật, Nghị quyết	2.1. Ban hành các văn bản quy phạm	3.1. Rà soát và lập danh mục nội	Danh mục	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	0

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời	pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của Trung ương	dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương			cấp tỉnh		
3.2. Xây dựng các dự thảo văn bản			Các văn bản QPPL	Sở, ban, ngành có liên quan	Sở Tư pháp	Thường xuyên	380	
3.3. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị tham mưu kịp thời, có chất lượng các văn bản được Trung ương giao quy định chi tiết			Văn bản đôn đốc	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thường xuyên	0	
1.2. Phân đấu 100 % văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định	2.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật	3.4. Thực hiện nghiêm túc quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo, công văn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý I	0	
		3.5. Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu nâng cao kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Hội nghị tập huấn hoặc Công văn hướng dẫn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý II	20	
		3.6. Tăng cường công tác kiểm tra,	Văn bản hướng	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp	Thường xuyên	0	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			tự kiểm tra văn bản QPPL	dẫn; Báo cáo kết quả kiểm tra		tỉnh, UBND cấp huyện		
			3.7. Thực hiện rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực của mình.	Báo cáo kết quả rà soát; Văn bản xử lý sau rà soát	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Sở Tư pháp	Thường xuyên	0
2	1.3. Phần đầu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả	2.3.Kiểm tra công tác TDTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	3.8.Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành	- Thành lập đoàn kiểm tra - Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	Quý IV năm 2025	25
		2.4. Tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản QPPL	3.9.Triển khai kịp thời các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương thuộc lĩnh vực mình.	Tổ chức hội nghị triển khai hoặc Công văn	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Thường xuyên	0
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1	1.1. Ban hành Kế hoạch	2.1. Xây dựng dự	3.1. Lấy ý	Kế	Văn	Các sở,	Quý	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	thảo ban hành Kế hoạch	kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan; trình UBND tỉnh ban hành.	hoạch kèm theo	phòng UBND tỉnh	ban, ngành; UBND cấp huyện	I/2025	
2	1.2. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC	2.2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc Quyết định UBND có quy định TTHC	3.2. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC.	Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC, Văn bản cho ý kiến về TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
3	1.3. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ	2.3. Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.	3.3. Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC nội bộ; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Biểu mẫu rà soát, báo cáo đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê duyệt	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Quý I, II năm 2025	
4	1.4. 100% TTHC được công bố, công khai sau khi Bộ, ngành công bố	2.4. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố	3.4. Sau khi Bộ ban hành Quyết định	Quyết định công bố	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Sở	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	TTHC liên quan		TTHC các Sở, ban, ngành dự thảo Quyết định ban hành Danh mục TTHC trình UBND tỉnh ký ban hành Quyết định, cập nhật, đăng tải TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời xây dựng Quy trình nội bộ TTHC lấy ý kiến Sở KH&CN hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt;	TTHC		KH&CN		
5	1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp	2.5. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành,	3.5. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	sở 100%, cấp huyện 100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận	UBND cấp huyện, cấp xã	các cấp 3.6. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC		cấp xã			
6	<p>1.6. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%.</p> <p>- Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%.</p>	<p>2.6. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh</p> <p>2.7. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình</p>	<p>3.7. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương</p> <p>3.8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, chuyển</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát - Quyết định - Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia - Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần - Giao diện phần mềm DVC 	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp	đạt yêu cầu				
7	1.7. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 70%	2.8. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	3.9. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để hỗ trợ thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công 3.10. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến	- Giải pháp kỹ thuật đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến - Biểu mẫu rà soát thống kê - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
8	1.8. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp	2.9. Nâng cao mức độ hài lòng của người	3.11. Nâng cao hiệu quả hoạt động	Báo cáo; (Đề án/ Kế	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên.	dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC	<p>của Bộ phận Một cửa các cấp; nâng cao năng lực của công chức tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp</p> <p>3.12. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực trên toàn tỉnh</p> <p>3.13. Tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức tại Bộ phận một cửa các cấp</p>	hoạch); Quyết định; Công văn; Các lớp tập huấn	cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã	tỉnh		

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
9	1.9. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương	2.10. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	3.14. Xây dựng kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	Kế hoạch, thông báo, biên bản kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh; Tổ công tác theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	
10	1.10. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 02 đến 03 cuộc trong năm)	2.11. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn	3.15. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện đối thoại	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Văn phòng UBND tỉnh, Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2025	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC							

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
1	1.1 Tham mưu, đề xuất đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương	2.1 Xây dựng kế hoạch/đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương		Kế hoạch/ Đề án	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	
2	1.2 Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp đối với 100% đơn vị sự nghiệp công lập có phương án sắp xếp, kiện toàn theo Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	2.2 Cho ý kiến, thẩm định đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi các cơ quan, đơn vị, địa phương (cơ quan chủ quản) trình Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập.	3.1 Thực hiện thẩm định đề án kiện sắp xếp, kiện cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập	Văn bản cho ý kiến/ Văn bản trình cấp có thẩm quyền kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của đơn vị.	Sở Nội vụ cho ý kiến/ trình cấp có thẩm quyền kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi các cơ quan, đơn vị, địa phương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	
		2.3 Hướng dẫn, đôn		Văn bản	Sở Nội vụ	Địa		

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		đốc các đơn vị, địa phương triển khai các nội dung quy định tại các Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt		đôn đốc, hướng dẫn	vụ	phương, sở, ngành có liên quan		
2	1.3 Phân đầu năm 2025 giảm 28 biên chế công chức so với năm 2024	2.4 Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế công chức, viên chức được giao		Văn bản đôn đốc/hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	
		2.5 Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại thực chất cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế đúng đối tượng (những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ, những người dôi dư		Văn bản đôn đốc/hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức). Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm						
		2.6 Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá khả năng tự chủ về tài chính của các cơ quan, đơn vị, chuyển biên chế ngân sách sang biên chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên.	3.2 Rà soát, đánh giá và trình Quyết định tỷ lệ tự chủ tài chính của đơn vị hàng năm hoặc theo giai đoạn	Văn bản liên ngành	Sở Tài chính	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	1.1. Phân đầu 50% cán bộ, công chức dưới 40 tuổi	2.1. Tuyên truyền, khuyến khích, hỗ trợ	3.1 Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi	Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành,	Quý I/2025	Theo dự toán

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	(lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác	theo chính sách đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tập trung vào bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế; cử cán bộ trẻ trong diện quy hoạch đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài theo những ngành tỉnh cần.	dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCCVC;			UBND cấp huyện		được cấp
3.2 Phối hợp mở lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế theo kế hoạch của tỉnh			Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2025	Theo dự toán được cấp	
3.3 Thực hiện các quy trình tuyển dụng, tiếp nhận; thu hút nhân lực chất lượng cao vào những vị trí việc làm yêu cầu thành thạo ngoại ngữ (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP và chính sách của tỉnh)			Thu hút, tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu, yêu cầu vị trí việc làm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2025	Theo dự toán được cấp	
3.4 Cử cán bộ trẻ đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước			Quyết định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2025		

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2	1.2. 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền)	2.2 Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	3.5 Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC	Kế hoạch	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
3		2.3 Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin	3.6 Phối hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng bộ công tác đào tạo bồi dưỡng dưỡng kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.	Mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan	Năm 2025	
4	1.3. Năm 2025 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển	2.4 Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP		Quyết định	UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định)	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp	Năm 2025	Thông tư số 92/2021/TT BTC ngày

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	dụng mới							28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ...
		2.5 Tổ chức tuyển dụng theo quy định		Quyết định	UBND tỉnh (Sở Nội vụ tham mưu)	Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện; đơn vị sự nghiệp	Năm 2025	
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN; vốn thực hiện các đề án, chính sách, Chương trình MTQG	2.1. Hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo	3.1. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc, báo cáo	Công văn	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố (cơ quan được giao quản lý,	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
					sử dụng vốn NSNN)			
2	1.2. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	2.2. Đơn đốc, báo cáo	3.2. Văn bản đơn đốc, báo cáo	Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Năm 2025	
3	1.3. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị	2.3. Hướng dẫn, đơn đốc	3.3. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	
4	1.4. Tỷ lệ sắp xếp lại nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%	2.4. Hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan, đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có) 2.5. Hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện phương	3.4. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc 3.5. Văn bản	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt	hướng dẫn, đôn đốc	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	
5	1.5. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	2.6. Tập huấn cho các đơn vị sự nghiệp công lập. 2.7. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	3.6. Tổ chức tập huấn. 3.7. Nghiên cứu phương án tự chủ tài chính của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến	Giấy mời Văn bản	5.1. Trung tâm Tư vấn dịch vụ tài chính 5.2. Sở Tài chính (đối với các đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với đơn vị SNCL cấp huyện).	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	
6	1.6. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật,	2.8. Tham mưu UBND tỉnh ban	3.8. Xây dựng định mức kinh tế	Quyết định	Các sở, ngành, đơn	Các sở, ngành, đơn	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	hành định mức kinh tế - kỹ thuật, làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	- kỹ thuật của từng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN		vị có đơn vị được cơ quan có thẩm quyền (HĐND hoặc UBND tỉnh) ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.	vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố		
7	1.7. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.	2.9. Tham mưu UBND tỉnh ban hành	3.9. Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Quyết định	Các sở, ngành, đơn vị có đơn vị được cơ quan có thẩm quyền (HĐND hoặc UBND tỉnh) ban hành danh	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
					mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.			
8	1.8. Số đơn vị SNCL tăng mức độ (tỷ lệ) tự chủ tài chính	2.10. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN.	3.10. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến. 3.11. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL	Văn bản	Sở Tài chính (đối với các đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với đơn vị SNCL cấp huyện).	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	
9	1.9. Giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	2.11. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN. SNCL	3.12. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến. 3.13. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh giám dự toán của	Văn bản	Sở Tài chính (đối với các đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - Kế	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			các đơn vị SNCL.		hoạch (đối với đơn vị SNCL cấp huyện).			
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ							
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị							
1.1	1.1 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng	2.1 Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng toàn tỉnh	3.1: Triển khai mạng truyền số liệu dùng (TSLCD) cấp II trên địa bàn tỉnh	Mạng truyền số liệu dùng (TSLCD) cấp II	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; các Sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
1.2	1.2 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp	2.2 Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp	3.2: Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp	Lớp đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.3 Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	3.3: Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	Lớp tập huấn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
1.3	1.3 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng	2.4 Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung,	3.4: Xây dựng Kho dữ liệu dùng	Kho dữ liệu dùng	Sở Thông tin và	Sở Tài chính; các	Năm 2025	Theo dự

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời	Công dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh	chung, Công dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh	chung, Công dữ liệu mở của tỉnh	Truyền thông	sở, ban ngành liên quan		toán được cấp
		2.5 Xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực	3.5: Xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực	CSDL các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban ngành liên quan	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
1.4	1.4 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn	2.6. Triển khai Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025	3.6: Triển khai Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025	Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.7. Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	3.7: Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	Giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.8 Nâng cấp thiết bị	3.8: Nâng cấp thiết	Bổ sung	Sở Thông	Sở Tài	Năm	Theo

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng	bổ sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng	trang thiết bị phục vụ bảo đảm ATTTT mạng	tin và Truyền thông	chính; các sở, ban ngành liên quan	2025	dự toán được cấp
1.5	1.5. 100% Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện tạo lập và quản lý hồ sơ điện tử, trong đó tỷ lệ hồ sơ điện tử đạt tương ứng các cấp là 100%,90%,70% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia	2.9. Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh phục vụ chuyển đổi số	3.9: Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh phục vụ chuyển đổi số	Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
2	Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị							
2.1	1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.	2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn	3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng	562 cơ quan, đơn vị có liên quan duy trì, cải tiến	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			dẫn, quy định.	hệ thống đáp ứng yêu cầu.				
2.2	1.2. 10 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện và 01 Ban quản lý dịch vụ công ích và Trật tự đô thị thành phố Hà Tĩnh hoàn thành xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2025	2.2. Xây dựng mới hệ thống tại 10 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện và 01 Ban quản lý dịch vụ công ích và Trật tự đô thị thành phố Hà Tĩnh	3.2. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	10 Trung tâm GDNN và GDTX cấp huyện và 01 Ban QL dịch vụ công ích và Trật tự đô thị TP Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trung tâm và đơn vị tư vấn	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.3	1.3. 35 UBND xã đạt chuẩn Nông thôn mới hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2025	2.3. Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng mở rộng hệ thống tại các UBND cấp xã, đặc biệt chú trọng xây dựng và áp dụng quy trình nội bộ thực hiện	3.3. Thực hiện rà soát chuẩn hóa lại hệ thống đồng thời xây dựng mở rộng áp dụng đối với các hoạt động nội bộ thực hiện điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn UBND	35 UBND cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành xây dựng mở rộng hệ thống	Các UBND cấp xã đạt chuẩn NTM, đơn vị tư vấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		điều hành tác nghiệp và giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.	cấp xã đạt chuẩn Nông thôn mới.					
2.4	1.4. 20% trường tiểu học công lập (44 trường) xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 năm 2025.	2.4. Xây dựng mới hệ thống tại 44 trường Tiểu học công lập	3.4. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	44 trường Tiểu học công lập công bố hệ thống phù hợp tiêu chuẩn	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các trường và đơn vị tư vấn	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.5	1.5. 100% dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra, cho ý kiến đáp ứng yêu cầu	2.5. Soát xét, kiểm tra, cho ý kiến đối với các dự thảo Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC do các Sở, ban, ngành xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hoá về trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.	3.5. Thực hiện việc soát xét, kiểm tra, cho ý kiến đối với các dự thảo Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC do các Sở, ban, ngành xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan	Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC của UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành liên quan	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2.6	1.6. 25% tổng số các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 được kiểm tra, đánh giá trong năm.	2.6. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy định liên quan khác.	3.6. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng hệ thống.	Kiểm tra tại 140 cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ (chủ trì, phối hợp kiểm tra)	Các cơ quan, đơn vị	Quý II-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.7	1.7. Tổ chức 04 cuộc tập huấn nâng cao nhận thức và 01 cuộc đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá về hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	2.7. Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	3.7. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo	04 cuộc tập huấn và 01 cuộc đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá theo TCVN ISO 9001:2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức đào tạo, chứng nhận hệ thống	Quý II-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.8	1.8. Tiếp tục duy trì áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng TCVN ISO 9001:2015 sau khi hoàn thành việc thí điểm xây dựng áp dụng tại	2.8. Tổ chức duy trì, áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại UBND thành phố Hà Tĩnh và UBND thị xã Kỳ Anh.	3.8. Áp dụng hệ thống theo bộ chỉ số đã xây dựng, thực hiện theo các quy trình và quy định đã ban hành	UBND thành phố Hà Tĩnh và UBND thị xã Kỳ Anh thực hiện duy trì, áp dụng, cải	UBND thành phố Hà Tĩnh và UBND thị xã Kỳ Anh	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	UBND thành phố Hà Tĩnh và UBND thị xã Kỳ Anh.			tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu.				
2.9	1.9. Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch 310/KH-UBND ngày 9/8/2022 của UBND tỉnh.	2.9. Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.	3.9. Tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện.	01 cuộc Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị áp dụng ISO	Quý IV năm 2025	Theo dự toán được cấp